



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(SRA) NĂM 2026.**



Giải thưởng báo cáo PTBV (SRA) thuộc VLCA đã hình thành được 13 năm với sự hỗ trợ kỹ thuật của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA). Trong 13 năm qua, bộ tiêu chí được rà soát và cập nhật hàng năm để đảm bảo cập nhật với thực trạng lập báo cáo PTBV tại Việt Nam, các quy định của pháp luật cũng như các thông lệ tốt. Từ mùa báo cáo 2023, ACCA đã bổ sung vào thành phần ban cố vấn các chuyên gia trong khu vực để đảm bảo bộ tiêu chí luôn được quốc tế hóa, bám sát thực trạng lập báo cáo tại Việt Nam cũng như các thông lệ tốt nhất trên thế giới. Năm 2025, ACCA đã điều chỉnh các tiêu chí theo hướng tích hợp chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững IFRS S1 và IFRS S2 để các doanh nghiệp đồng bộ hơn với các nước trong khu vực và thế giới. Cho mùa báo cáo 2026, sau khi tham khảo ý kiến ban giám khảo, cơ quan quản lý và các chuyên gia, ACCA tiếp tục sử dụng bảng tiêu chí đã công bố 2025 cùng với một số cập nhật về tiêu chí chỉ số để đánh giá nỗ lực của các doanh nghiệp có đo lường phát thải khí nhà kính phạm vi 3 theo đúng các thông lệ, tập trung đặc biệt vào thông tin phát thải KNK gián tiếp phát sinh từ các hoạt động đầu tư và cho vay. Việc cập nhật này ghi nhận vai trò của các tổ chức tài chính như là một trung gian điều phối nguồn vốn của nền kinh tế chảy vào các lĩnh vực thân thiện hơn với môi trường và xã hội.

Tiêu chí chấm Chung khảo - Nhóm Tài chính

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A. Tính đầy đủ (50%)		
<p>Tính đầy đủ của báo cáo được đánh giá dựa trên các yếu tố chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác định các vấn đề trọng yếu: Đảm bảo rằng báo cáo tập trung vào các vấn đề quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến tổ chức và các bên liên quan. Quá trình xác định trọng yếu cần rõ ràng, có cơ sở và phản ánh đúng ưu tiên chiến lược của tổ chức. Sự tham gia của các bên liên quan: Mô tả rõ các nhóm bên liên quan chính, phương pháp tham vấn, cũng như cách thức tổ chức xem xét và phản hồi các mối quan tâm từ bên liên quan trong chiến lược phát triển bền vững. Chiến lược/định hướng phát triển bền vững: Trình bày mức độ tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược chung của tổ chức, bao gồm cam kết, mục tiêu dài hạn và các sáng kiến cụ thể nhằm thực hiện chiến lược này. Phạm vi và ranh giới báo cáo: Xác định rõ phạm vi hoạt động được bao quát trong báo cáo (bao gồm tổ chức mẹ, công ty con, chuỗi giá trị...) và những giới hạn trong việc thu thập, công bố dữ liệu. Tiêu chuẩn và chỉ số đo lường hoạt động phát triển bền vững: Cung cấp các chỉ số đo lường hiệu suất một cách đầy đủ, có căn cứ, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh theo thời gian cũng như với các tổ chức khác trong cùng lĩnh vực. <p>Bằng cách đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này, báo cáo không chỉ giúp minh bạch hóa thông tin mà còn hỗ trợ các bên liên quan trong việc đánh giá một cách chính xác và toàn diện về nỗ lực phát triển bền vững của tổ chức.</p>		
A1. Xác định các vấn đề trọng yếu	<p>1.01. Báo cáo cung cấp thông tin một cách toàn diện và có ích cho việc ra quyết định của đối tượng sử dụng báo cáo về các rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường, xã hội có tác động với doanh nghiệp cũng như tác động của doanh nghiệp đối với kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài.</p> <p>1.02. Quá trình, lý do lựa chọn và danh mục các tác động và các chủ đề trọng yếu được báo cáo một cách đầy đủ</p>	<p>Báo cáo cần xác định rõ và phân tích rõ ràng các tác động và vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường chính của doanh nghiệp, bao gồm cả tác động trực tiếp và gián tiếp, tác động thực tế và tác động tiềm tàng.</p> <p>Báo cáo cần nêu quy trình và lý do lựa chọn các tác động, vấn đề trọng yếu, phương pháp đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu và các chỉ số sử dụng trong báo cáo. Các tổ chức cần nhắc sử dụng các hướng dẫn của GRI để hoàn thiện nội dung này. Báo cáo cũng cần nêu lên các cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội mà doanh nghiệp nhìn nhận được và sự liên kết giữa các vấn đề trọng yếu với các cơ hội này.</p>
A2. Tham vấn các bên có lợi ích liên quan	<p>1.03. Các bên liên quan là tổ chức được xác định, trong đó nêu rõ mức độ quan trọng tương ứng.</p> <p>1.04. Mô tả quá trình xác định và tham vấn các bên liên quan trong nội bộ và bên ngoài, có công bố chính sách xác định và tham vấn các bên liên quan.</p> <p>1.05. Xác định và trình bày ý kiến phản hồi và mức độ quan tâm của các bên liên quan đối với các tác động, hoạt động của tổ chức, và qui trình lựa chọn các quan điểm này (quan điểm quan trọng nhất) để công bố.</p> <p>1.06. Sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan (chủ động hoặc bị động) để tác động đến chiến lược, chính sách, hoạt động và thay đổi nội dung báo cáo (để chứng minh tổ chức có thể lắng nghe và rút kinh nghiệm từ ý kiến của các bên có liên quan), hoặc trình bày ngược lại, kèm theo lý do, trong trường hợp không sử dụng ý kiến phản hồi của bên liên quan.</p>	<p>Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, việc xác định rõ đối tượng mục tiêu là bước đầu tiên quan trọng. Báo cáo cần được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của các đối tượng này, từ nhà đầu tư, khách hàng, nhân viên, đối tác, tổ chức đến cộng đồng địa phương.</p> <p>Doanh nghiệp cần xác định tất cả các bên liên quan, đánh giá mức độ quan trọng của từng bên đối với hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của mình. Quy trình xác định và tham vấn các bên liên quan cần được mô tả chi tiết, minh bạch, bao gồm các phương pháp, quy trình và tần suất tham vấn, để đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ ý kiến và kỳ vọng của các bên liên quan. Doanh nghiệp cũng cần công bố cách thức doanh nghiệp phản hồi với các kỳ vọng của các bên có liên quan.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A3. Chiến lược	<p>1.07. Mức độ chi tiết và tính rõ ràng và cân bằng về chiến lược, chính sách kinh tế, môi trường và xã hội bao gồm nhưng không hạn chế ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính nhân tích các rủi ro và cơ hội về PTBV Vách thức tận dụng các cơ hội này Phân tích chiến lược PTBV trong bối cảnh của chiến lược kinh doanh và ngành Chiến lược PTBV xuyên suốt chuỗi cung ứng Các cam kết của HĐQT và Ban Giám đốc Các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính 	<p>Báo cáo phát triển bền vững cần thể hiện rõ ràng chiến lược toàn diện của doanh nghiệp, bao gồm việc công bố đầy đủ và minh bạch các tác động về môi trường và xã hội, có tính đến các yếu tố đặc thù của ngành nghề. Với ngành tài chính, cần trình bày chi tiết và tính rõ ràng về sự tích hợp các yếu tố ESG trong chiến lược hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt ở các lĩnh vực trọng yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoạt động Phân tích tín dụng (đối với ngân hàng) Hoạt động đầu tư và môi giới (đối với ngân hàng và công ty chứng khoán) Các chương trình khuyến khích các hành vi có trách nhiệm với Môi trường và Xã Hội và/hoặc hoạt động Quản lý đầu tư chủ động tương tác (đối với công ty bảo hiểm) Chính sách cho vay có trách nhiệm, các đối tượng thiếu số, khó khăn, các đối tượng ở khu vực có rủi ro thiên tai cao và/hoặc động thanh lý tài sản thế chấp (đối với ngân hàng và các công ty tài chính) Quyền riêng tư Người tiêu dùng và Bảo mật thông tin
	<p>1.08. Trình bày các chỉ tiêu và mục tiêu ESG cụ thể trong các khung thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn tương thích với các công bố thông tin về chiến lược</p>	<p>Báo cáo cần phân tích cả cơ hội và thách thức, cũng như các tác động tiềm tàng và thực tế, đồng thời nêu rõ cách thức tận dụng các cơ hội phát triển bền vững. Chiến lược kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp, bao gồm cả chuỗi cung ứng, cần được trình bày chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.</p>
	<p>1.09. Chứng minh chính sách kinh tế, môi trường, xã hội tích hợp và nhất quán trong chiến lược kinh doanh nòng cốt đặc biệt ở các lĩnh vực quan trọng của ngành đề cập ở 1.07</p>	<p>Báo cáo cần đánh giá và phân tích tác động của các rủi ro môi trường và xã hội đến các yếu tố tài chính, như lợi nhuận, dòng tiền, vị thế tài chính, chi phí vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn và giá trị tài sản. Các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm cả các chỉ số KPI, cần được xác định rõ ràng cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời gắn kết với các rủi ro và cơ hội tương ứng.</p>
	<p>1.10. Có chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính.</p> <p>Đối với ngành dịch vụ tài chính tập trung vào cắt giảm Phát thải Tài chính (financed emissions) tức là lượng khí thải nhà kính được tạo ra gián tiếp thông qua các khoản đầu tư và cho vay của tổ chức tài chính, phân tích theo từng lĩnh vực 1, 2 và 3.</p>	<p>Báo cáo cần chứng minh một cách thuyết phục sự tích hợp của các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời phân tích và đánh giá tác động của hoạt động của mình đến việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.</p> <p>Nếu biến đổi khí hậu hoặc khí nhà kính là một nội dung trọng tâm trong chiến lược, báo cáo cần trình bày rõ ràng và thuyết phục chiến lược/sáng kiến, giải pháp cũng như các dự án đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các mục tiêu cụ thể (ngắn/dài hạn) cần được thực hiện một cách logic và có cơ sở khoa học. Các chiến lược phải dựa trên các phân tích kịch bản/tình huống khác nhau về kịch bản khí hậu, đồng thời mô tả cách thức đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn	
A4. Các chỉ số hoạt động về môi trường	111. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng trong công ty đồng thời đưa ra các mục tiêu và biện pháp quản lý cũng như cắt giảm mức tiêu thụ ngắn hạn và dài hạn.	<p>Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. • Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng • Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. • Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. • Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) • Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có) 	
	112. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng bên ngoài công ty, bao gồm chuỗi cung ứng và các hoạt động bên ngoài có liên quan trực tiếp đến dịch vụ, sản phẩm và các hoạt động của công ty đồng thời đưa ra các biện pháp quản lý cũng như cắt giảm tiêu thụ.		
	113. Công ty có công bố mức các số liệu liên quan đến nước và nước thải. Tối thiểu phải công bố mức tiêu thụ nước và các biện pháp quản lý nước thải, đồng thời đưa ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho các chỉ số liên quan đến nước và nước thải mà doanh nghiệp chọn báo cáo.		
	114. Công ty có công bố lượng nguyên vật tư tiêu hao cho các dịch vụ (đối với ngành Dịch vụ tài chính chủ yếu là liên quan đến tài liệu in ấn) mà doanh nghiệp cung cấp; nêu cụ thể tỷ lệ các loại vật tư tiêu hao tái chế/có thể tái tạo so với tổng vật tư đã sử dụng và đưa ra các biện pháp cắt giảm tiêu hao ngắn hạn và dài hạn.		
	115. Công ty có công bố số liệu về các hoạt động liên quan đến tài chính xanh, các chương trình tài chính có yếu tố môi trường bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Số khoản vay, các khoản đầu tư • Giá trị, doanh thu từ dịch vụ/ chương trình liên quan đến môi trường • Số lượng, giá trị và tỷ lệ các khoản vay cho các đối tượng ở khu vực rủi ro thiên tai cao. 		
	116. Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và 2 theo tấn CO2 tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc		<p>Việc công bố được thực hiện theo hướng dẫn của quy định pháp luật và các thông lệ tốt (như GRI, IPCC, GHG Reporting Protocol). Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố các nguồn phát thải • Công bố nguồn của hệ số phát thải mà doanh nghiệp áp dụng • Công bố cách thức tính toán • Công bố kỳ gốc (nếu có) • Công bố các số liệu mang tính chất so sánh • Giải thích số liệu phát thải • Công bố cường độ phát thải KNK
	117. Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính phạm vi 3 theo đúng các thông lệ, tập trung đặc biệt vào thông tin phát thải KNK gián tiếp phát sinh từ các hoạt động đầu tư và cho vay được tài trợ (financed emission)		<p>Việc công bố phát thải phạm vi 3 hiện nay chưa bắt buộc nhưng là thông lệ tốt ghi nhận vai trò của các tổ chức tài chính như là một trung gian điều phối nguồn vốn của nền kinh tế chảy vào các lĩnh vực thân thiện hơn với môi trường. Theo GHG protocol, các doanh nghiệp cần phải công bố các nội dung sau liên quan đến phát thải KNK phạm vi 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ranh giới báo cáo • Phạm vi báo cáo. Nếu không đủ 15 danh mục phát thải thì cần giải trình đầy đủ • Cách thức tính • Phân tích số liệu. <p>Các tổ chức dịch vụ tài chính cần tập trung trọng yếu vào chỉ tiêu phát thải khí nhà kính được tài trợ</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A5. Các chỉ số hoạt động về xã hội	1.18. Công ty công bố các số liệu về tuyển dụng nhân viên mới và nhân viên thôi việc, đồng thời có các phân tích về chế độ chính sách dành cho nhân viên làm toàn thời gian.	<p>Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. • Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng • Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. • Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. • Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) • Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có)
	1.19. Doanh nghiệp có công bố các số liệu về: <ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng thương mại: (1) Số khoản và (2) Số nợ vay trong trường hợp cho vay xã hội ví dụ như SME, Phát triển cộng đồng.... • Ngân hàng đầu tư và Công ty chứng khoán: (1) Số khoản và tổng giá trị đầu tư và cho vay có tích hợp yếu tố Xã Hội, phân tích theo ngành (2) Doanh thu dịch vụ từ hoạt động môi giới, tư vấn... cho các giao dịch có tích hợp yếu tố Xã Hội, phân tích theo ngành. • Công ty Bảo hiểm: tỷ lệ phí bảo hiểm liên quan đến các chương trình có yếu tố Xã Hội ví dụ như khuyến khích an toàn, nâng cao sức khỏe ... • Công ty Tài chính tiêu dùng: (1) Quyền riêng tư Người tiêu dùng: Số tài khoản có thông tin được sử dụng cho mục đích khác và (2) Bảo mật thông tin: Số lần rò rỉ thông tin, tỷ lệ thông tin rò rỉ và số lượng tài khoản bị ảnh hưởng • Công ty Tài chính thế chấp: (1) Số lượng, (2) giá trị, và (3) tỷ lệ bình quân của các khoản cho vay cho các đối tượng khó khăn xã hội trên tổng số cho vay. 	
	1.20. Công ty công bố thông tin về chính sách và thực hành văn hoá Đa Dạng, Công Bằng Và Hòa Nhập (DEI) trong doanh nghiệp, cụ thể thông qua các chỉ số về bình đẳng giới, đa dạng hoá và cơ hội công bằng, không phân biệt đối xử và các chỉ số khác có liên quan.	
	1.21. Công ty công bố thông tin về các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng như các động tích cực và tiêu cực của công ty đến cộng đồng.	
	1.22. Doanh nghiệp có công bố các số liệu về việc đánh giá tác động của sản phẩm và dịch vụ đến sức khoẻ và tài chính của khách hàng, đồng thời công bố (1) Số lượng vụ khiếu nại của nhân viên/khách hàng/người có liên quan (2) Số tiền bồi thường thiệt hại	

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A6. Các chỉ số hoạt động khác	1.23. Công ty công bố các chỉ số hoạt động về ESG tương ứng với các lĩnh vực trọng yếu được lựa chọn cũng như phù hợp với chiến lược PTBV được công bố	<p>Công ty cần đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về báo cáo và chuẩn mực như GRI 2021, IFRS S1/ S2, SASB, CSRD, ...và các chỉ số hoạt động theo ngành được áp dụng rộng rãi. Việc đáp ứng nhiều hơn một chuẩn mực cũng như việc áp dụng các chuẩn mực theo ngành sẽ là bằng chứng tốt để chứng minh tính đầy đủ của một báo cáo.</p> <p>Công ty cần tuân thủ các quy định về đánh giá về môi trường và xã hội và các quy định về quản trị công ty, cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn đo lường phát thải khí nhà kính.</p>
	1.24. Công bố thông tin về quản trị công ty đáp ứng được các yêu cầu	
	1.25. Việc trình bày các chỉ số hoạt động có liên quan được thực hiện theo các hướng dẫn/chuẩn mực được công nhận rộng rãi về lập báo cáo PTBV như GRI, IFRS S1&S2, TCFD...	
	1.26. Công ty có sử dụng các chỉ số hoạt động theo ngành được chấp nhận rộng rãi, cụ thể như chuẩn mực ngành Dịch vụ tài chính của SASB	
	1.27. Mức độ đáp ứng về công bố thông tin thông tin môi trường xã hội theo quy định của Báo cáo thường niên	
A7. Các nội dung khác	1.28. Bối cảnh của doanh nghiệp (ví dụ, các sản phẩm và/hoặc dịch vụ, hiệu quả hoạt động tài chính, vị trí địa lý, thông tin tuyển dụng, lực lượng lao động).	<p>Báo cáo cần cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về tổ chức. Báo cáo cần nêu rõ các hoạt động chính, sản phẩm/dịch vụ, hiệu quả tài chính, vị trí địa lý, lực lượng lao động và thông tin tuyển dụng, nhằm giúp người đọc hiểu rõ về phạm vi hoạt động và tác động của tổ chức. Đồng thời, báo cáo cần xác định rõ đối tượng sử dụng, phạm vi báo cáo (bao gồm cả chuỗi cung ứng), kỳ báo cáo, tính so sánh qua các kỳ, và công bố đầy đủ các tiêu chuẩn được sử dụng.</p> <p>Việc công bố đúng các chuẩn mực được áp dụng (theo yêu cầu của chuẩn mực đó) sẽ là một điểm cộng.</p>
	1.29. Các yếu tố khác của một báo cáo đã được công bố đầy đủ hay chưa?	

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B. Mức độ tin cậy (40%)		
<p>Để đảm bảo tính tin cậy của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chứng minh rằng họ có các cấu trúc, quy trình và kiểm soát hiệu quả để trình bày thông tin chính xác về tác động của mình. Điều này bao gồm việc thiết lập các chính sách rõ ràng, bố trí nhân sự phù hợp, xây dựng hệ thống thu thập và quản lý thông tin, và đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể. Báo cáo cần thể hiện rằng các hệ thống và thông tin nội bộ đã được kiểm tra kỹ lưỡng, đồng thời tích hợp ý kiến đóng góp từ các bên bên ngoài.</p>		
B1. Qui trình quản lý	<p>2.01. Các hệ thống quản lý và việc tích hợp các hệ thống quản lý vào qui trình hoạt động .</p>	<p>Để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc xây dựng và tích hợp hệ thống quản lý vào quy trình kinh doanh. Hệ thống quản lý này cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.</p> <p>Đồng thời, việc áp dụng các hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế như hướng dẫn của IFC, GRI, Investors in People, ISO/EMAS là rất quan trọng. Báo cáo cần nêu rõ lý do lựa chọn và áp dụng các tiêu chuẩn này, đồng thời mô tả chi tiết cách thức triển khai. Ngoài ra, công ty cũng nên công bố các việc xử lý các rủi ro về việc tẩy xanh - Green Washing.</p>
	<p>2.02. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tín dụng xanh được quốc tế hoặc chính phủ công nhận.</p>	
	<p>2.03. Nguồn phát thải KNK trực tiếp hoặc gián tiếp, chuỗi giá trị/cung ứng liên quan được xác định và có kế hoạch hành động, áp dụng các biện pháp tối ưu nhằm giảm dần phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp như (i) xem xét về số lượng và chủng loại nhiên liệu hóa thạch sử dụng và áp dụng các chương trình nâng cao hiệu quả và hiệu lực (ưu tiên phương pháp tiếp cận chu kỳ sống nhằm giảm phát thải KNK thuần bên cạnh việc sử dụng công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo), (ii) có hành động ngăn ngừa hoặc giảm phát thải KNK (đặc biệt những phát thải gây cạn kiệt tầng ozôn) do việc sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất, các quá trình công nghệ hoặc thiết bị bao gồm thiết bị sưởi, thông gió, điều hòa không khí, (iii) thực hiện tiết kiệm năng lượng bao gồm mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiệu quả năng lượng; (iv) xem xét trung hòa carbon thông qua các biện pháp bù phát thải KNK còn lại như thu giữ và bảo quản hoặc cô lập carbon. Phải bao gồm Phát thải Tài chính.</p>	<p>Xem hướng dẫn chung về việc báo cáo thông tin liên quan đến khí nhà kính.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B2. Quản trị	2.04. Mô tả về hoạt động và cấu trúc hệ thống và quy trình quản trị, bao gồm tên của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đảm trách các vấn đề phát triển bền vững, các bộ phận liên quan đến quản trị phát triển bền vững như Ban quản lý rủi ro, KTNB..., và mô tả về vai trò của HĐQT trong phê duyệt chiến lược, chính sách xã hội, môi trường, quản trị cũng như rà soát kết quả thực hiện và đảm bảo cơ chế truyền thông hiệu quả giữa doanh nghiệp với các bên liên quan).	<p>Để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần trình bày rõ ràng hệ thống quản trị liên quan đến các vấn đề PTBV. Điều này bao gồm việc nêu tên thành viên hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp, thể hiện cam kết từ cấp cao nhất. Báo cáo cần mô tả chi tiết cách thức khuyến khích nhân viên và quản lý, làm rõ mối liên kết giữa hiệu quả bền vững và các mục tiêu đã đề ra. Điều này giúp tạo động lực và thúc đẩy sự tham gia của toàn bộ tổ chức. Các quy trình xác định và quản lý rủi ro cần được mô tả một cách hệ thống, đồng thời công bố các rủi ro thực tế đã được xác định. Báo cáo cũng cần thảo luận về các cơ hội phát sinh từ việc quản lý rủi ro này, thể hiện sự chủ động và khả năng thích ứng của doanh nghiệp.</p> <p>Vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật cũng cần được đánh giá, xem xét, và có hướng giải quyết cụ thể, rõ ràng cho việc không tuân thủ, nếu có.</p>
	2.05. Mô tả mối liên hệ giữa cơ chế khen thưởng của nhân viên và cán bộ quản lý với hiệu quả phát triển bền vững và việc hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.	
	2.06. Mô tả quy trình quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV (bao gồm: nhận diện, đánh giá, xếp hạng, kiểm soát rủi ro và tận dụng cơ hội)	
	2.07. Mô tả cụ thể các rủi ro cao và cơ hội liên quan đến PTBV	
	2.08. Hồ sơ về các vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật	
	2.09. Mô tả cách thức mà doanh nghiệp quản trị các vấn đề liên quan đến Chương trình giảm thiểu KNK để đảm bảo các thông tin được báo cáo là đáng tin cậy và doanh nghiệp luôn chủ động giám sát/quản lý các vấn đề liên quan đến KNK cũng như thể hiện được Chương trình giảm thiểu KNK là nỗ lực của toàn thể doanh nghiệp.	
B3. Đảm bảo	2.10. Đảm bảo nội bộ	<p>Để đảm bảo tính tin cậy và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần kết hợp cơ chế đảm bảo nội bộ và kiểm toán độc lập. Cơ chế đảm bảo nội bộ giúp xác minh tính chính xác của thông tin từ bên trong, trong khi kiểm toán độc lập bởi đơn vị thứ ba tăng cường tính khách quan và độ tin cậy. Việc thực hiện cả hai biện pháp này giúp báo cáo phản ánh trung thực hoạt động và cam kết của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.</p>
	2.11. Đảm bảo độc lập bên ngoài	
	2.12. Có đảm bảo độc lập nội bộ hoặc bên ngoài đối với các chỉ số quản lý phát thải khí nhà kính.	<p>Xem hướng dẫn chung về việc báo cáo thông tin liên quan đến khí nhà kính.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
C. Trình bày (10%)		
<p>Để tối đa hóa giá trị của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng không chỉ vào nội dung mà còn vào cách thức truyền tải thông tin đến đúng đối tượng. Truyền thông hiệu quả đòi hỏi việc lựa chọn phương tiện phù hợp để tiếp cận các bên liên quan mục tiêu. Điều này bao gồm hai yếu tố chính: Trình bày, đảm bảo báo cáo có hình thức hấp dẫn, dễ đọc và dễ hiểu; Sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo báo cáo được phân phối và tiếp cận một cách thuận tiện cho người dùng mục tiêu.</p>		
Hình thức	3.01. Đề cương và hình thức phù hợp và hỗ trợ cho nội dung.	Hình thức báo cáo cần phù hợp và hỗ trợ nội dung, đồng thời đảm bảo tính tươi tắn và chuyên nghiệp. Ngôn ngữ sử dụng cần phổ thông, dễ hiểu, và phù hợp với trình độ của người đọc. Việc sử dụng các phương pháp trình bày sáng tạo và các công cụ trực quan như đồ thị, minh họa và sơ đồ sẽ giúp báo cáo trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Bằng cách kết hợp các yếu tố này, doanh nghiệp sẽ tạo ra một báo cáo phát triển bền vững không chỉ cung cấp thông tin chất lượng mà còn truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến các bên liên quan.
	3.02. Tính dễ hiểu (sử dụng ngôn ngữ phổ thông, mức độ chuyên ngành phù hợp), dễ hiểu và độ dài phù hợp (súc tích).	
	3.03. Cách trình bày và tiếp cận mang tính sáng tạo	
	3.04. Tính phù hợp của các đồ thị, nội dung minh họa và ảnh	
Sự tham gia của các bên liên quan	3.05. Khả năng truy cập (ví dụ, định dạng điện tử trên website để truy cập, các ngôn ngữ hiển thị sẵn có, phù hợp với độc giả, phiên bản in (tóm tắt) được cung cấp).	Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc thông báo rộng rãi về sự tồn tại của báo cáo và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập báo cáo. Việc thông báo thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau sẽ giúp đảm bảo rằng thông tin được tiếp cận bởi đối tượng mục tiêu. Đồng thời, việc tham vấn các bên liên quan thông qua các hoạt động như thành lập Nhóm Tập Trung sẽ giúp thu thập ý kiến đóng góp và đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan
	3.06. Cơ chế thông tin và phản hồi để người sử dụng báo cáo đưa ra/gửi ý kiến đến người lập báo cáo.	

Hướng dẫn về việc báo cáo thông tin liên quan đến Khí nhà kính

Chiến lược và mục tiêu giảm phát thải KNK	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có chiến lược dài hạn và ngắn hạn cụ thể nào để giảm phát thải KNK không? Các sáng kiến, giải pháp hoặc dự án cải tiến nào đang được triển khai để hỗ trợ mục tiêu này? Chiến lược giảm phát thải KNK có được tích hợp vào kế hoạch kinh doanh tổng thể và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp không?
--	--

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
Các chỉ số hoạt động và quy trình quản lý	<p>Nhận diện, đo lường và kiểm soát nguồn phát thải KNK</p> <p>1. Nhận diện nguồn phát thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp đã xác định đầy đủ các nguồn phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát chưa? Các nguồn phát thải này bao gồm những yếu tố nào trong chuỗi giá trị (ví dụ: nhiên liệu hóa thạch, sử dụng đất, quy trình công nghệ, năng lượng, chuỗi cung ứng, v.v.)? Doanh nghiệp có kế hoạch hành động cụ thể nào để giảm dần phát thải từ những nguồn này không? <p>2. Đo lường phát thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có sử dụng các chỉ số đo lường phát thải KNK không? Nếu có, các chỉ số đó gồm những gì? Phát thải KNK có được đo lường theo tấn CO₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc không? Các phương pháp đo lường có tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như GHG Protocol, ISO 14064 hoặc các tiêu chuẩn liên quan không? <p>3. Biện pháp giảm thiểu phát thải</p> <p>Doanh nghiệp đã thực hiện những biện pháp nào để giảm phát thải KNK trong các lĩnh vực sau:</p>	<p>(i) Nhiên liệu hóa thạch: Có kế hoạch kiểm soát số lượng và chủng loại nhiên liệu sử dụng hoặc chuyển đổi sang công nghệ phát thải thấp không?</p> <p>(ii) Công nghệ và quy trình sản xuất: Có biện pháp nào để giảm phát thải từ sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, hoặc các thiết bị công nghiệp như sưởi, thông gió, điều hòa không khí không?</p> <p>(iii) Hiệu suất năng lượng: Có chương trình tiết kiệm năng lượng, mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng, hoặc phát triển sản phẩm/dịch vụ hiệu quả năng lượng không?</p> <p>(iv) Trung hòa carbon: Có áp dụng các biện pháp bù trừ phát thải thông qua thu giữ, bảo quản hoặc cô lập carbon không?</p>
Quản trị	<p>Hệ thống quản lý và giám sát phát thải KNK</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có hệ thống quản trị nào để theo dõi và đảm bảo tính chính xác của dữ liệu phát thải KNK không? Các dữ liệu và thông tin về phát thải KNK có được báo cáo thường xuyên và minh bạch không? Việc giám sát và kiểm soát phát thải KNK có được tích hợp vào hệ thống quản lý vận hành tổng thể của doanh nghiệp không? Các bộ phận trong doanh nghiệp có phối hợp chặt chẽ để thực hiện chương trình giảm phát thải KNK không? 	
Đảm bảo	<p>Đảm bảo tính minh bạch và xác minh độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có cơ chế đánh giá nội bộ hoặc xác minh độc lập từ bên thứ ba đối với dữ liệu phát thải KNK không? Việc kiểm toán và xác nhận dữ liệu phát thải có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp lý không? Kết quả đo lường phát thải có được công khai minh bạch và sẵn sàng để đối chiếu khi cần thiết không? 	

Tiêu chí chấm Chung khảo - Nhóm Phi tài chính

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A. Tính đầy đủ (50%)		
<p>Tính đầy đủ của báo cáo được đánh giá dựa trên các yếu tố chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác định các vấn đề trọng yếu: Đảm bảo rằng báo cáo tập trung vào các vấn đề quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến tổ chức và các bên liên quan. Quá trình xác định trọng yếu cần rõ ràng, có cơ sở và phản ánh đúng ưu tiên chiến lược của tổ chức. Sự tham gia của các bên liên quan: Mô tả rõ các nhóm bên liên quan chính, phương pháp tham vấn, cũng như cách thức tổ chức xem xét và phản hồi các mối quan tâm từ bên liên quan trong chiến lược phát triển bền vững. Chiến lược/định hướng phát triển bền vững: Trình bày mức độ tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược chung của tổ chức, bao gồm cam kết, mục tiêu dài hạn và các sáng kiến cụ thể nhằm thực hiện chiến lược này. Phạm vi và ranh giới báo cáo: Xác định rõ phạm vi hoạt động được bao quát trong báo cáo (bao gồm tổ chức mẹ, công ty con, chuỗi giá trị...) và những giới hạn trong việc thu thập, công bố dữ liệu. Tiêu chuẩn và chỉ số đo lường hoạt động phát triển bền vững: Cung cấp các chỉ số đo lường hiệu suất một cách đầy đủ, có căn cứ, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh theo thời gian cũng như với các tổ chức khác trong cùng lĩnh vực. <p>Bằng cách đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này, báo cáo không chỉ giúp minh bạch hóa thông tin mà còn hỗ trợ các bên liên quan trong việc đánh giá một cách chính xác và toàn diện về nỗ lực phát triển bền vững của tổ chức.</p>		
A1. Xác định các vấn đề trọng yếu	1.01. Báo cáo cung cấp thông tin một cách toàn diện và có ích cho việc ra quyết định của đối tượng sử dụng báo cáo về các rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường, xã hội có tác động với doanh nghiệp cũng như tác động của doanh nghiệp đối với kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài.	<p>Báo cáo cần xác định rõ và phân tích rõ ràng các tác động và vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường chính của doanh nghiệp, bao gồm cả tác động trực tiếp và gián tiếp, tác động thực tế và tác động tiềm tàng.</p> <p>Báo cáo cần nêu quy trình và lý do lựa chọn các tác động, vấn đề trọng yếu, phương pháp đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu và các chỉ số sử dụng trong báo cáo. Các tổ chức cần nhắc sử dụng các hướng dẫn của GRI để hoàn thiện nội dung này.</p>
	1.02. Quá trình, lý do lựa chọn và danh mục các tác động và các chủ đề trọng yếu được báo cáo một cách đầy đủ	
A2. Tham vấn các bên có lợi ích liên quan	1.03. Các bên liên quan là tổ chức được xác định, trong đó nêu rõ mức độ quan trọng tương ứng.	
	1.04. Mô tả quá trình xác định và tham vấn các bên liên quan trong nội bộ và bên ngoài, có công bố chính sách xác định và tham vấn các bên liên quan.	<p>Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, việc xác định rõ đối tượng mục tiêu là bước đầu tiên quan trọng. Báo cáo cần được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của các đối tượng này, từ nhà đầu tư, khách hàng, nhân viên, đối tác, tổ chức đến cộng đồng địa phương.</p>
	1.05. Xác định và trình bày ý kiến phản hồi và mức độ quan tâm của các bên liên quan đối với các tác động, hoạt động của tổ chức, và qui trình lựa chọn các quan điểm này (quan điểm quan trọng nhất) để công bố.	<p>Doanh nghiệp cần xác định tất cả các bên liên quan, đánh giá mức độ quan trọng của từng bên đối với hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của mình. Quy trình xác định và tham vấn các bên liên quan cần được mô tả chi tiết, minh bạch, bao gồm các phương pháp, quy trình và tần suất tham vấn, để đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ ý kiến và kỳ vọng của các bên liên quan. Doanh nghiệp cũng cần công bố cách thức doanh nghiệp phản hồi với các kỳ vọng của các bên có liên quan.</p>
	1.06. Sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan (chủ động hoặc bị động) để tác động đến chiến lược, chính sách, hoạt động và thay đổi nội dung báo cáo (để chứng minh tổ chức có thể lắng nghe và rút kinh nghiệm từ ý kiến của các bên có liên quan), hoặc trình bày ngược lại, kèm theo lý do, trong trường hợp không sử dụng ý kiến phản hồi của bên liên quan.	

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A3. Chiến lược	<p>1.07. Mức độ chi tiết và tính rõ ràng và cân bằng về chiến lược, chính sách kinh tế, môi trường và xã hội bao gồm nhưng không hạn chế ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> • phân tích các rủi ro và cơ hội về PTBV • cách thức tận dụng các cơ hội này • phân tích chiến lược PTBV trong bối cảnh của chiến lược kinh doanh và ngành • chiến lược PTBV xuyên suốt chuỗi cung ứng; • các cam kết của HĐQT và Ban Giám đốc • các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính 	<p>Báo cáo phát triển bền vững cần thể hiện rõ ràng chiến lược toàn diện của doanh nghiệp, bao gồm việc công bố đầy đủ và minh bạch các tác động về môi trường và xã hội, có tính đến các yếu tố đặc thù của ngành nghề.</p> <p>Báo cáo cần phân tích cả cơ hội và thách thức, cũng như các tác động tiềm tàng và thực tế, đồng thời nêu rõ cách thức tận dụng các cơ hội phát triển bền vững. Chiến lược kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp, bao gồm cả chuỗi cung ứng, cần được trình bày chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.</p> <p>Báo cáo cần đánh giá và phân tích tác động của các rủi ro môi trường và xã hội đến các yếu tố tài chính, như lợi nhuận, dòng tiền, vị thế tài chính, chi phí vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn và giá trị tài sản. Các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm cả các chỉ số KPI, cần được xác định rõ ràng cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời gắn kết với các rủi ro và cơ hội tương ứng.</p>
	<p>1.08. Trình bày các chỉ tiêu và mục tiêu ESG cụ thể trong các khung thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn tương thích với các công bố thông tin về chiến lược</p>	<p>Báo cáo cần chứng minh một cách thuyết phục sự tích hợp của các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời phân tích và đánh giá tác động của hoạt động của mình đến việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.</p>
	<p>1.09. Chứng minh chính sách kinh tế, môi trường, xã hội tích hợp và nhất quán trong chiến lược kinh doanh nòng cốt.</p>	<p>Nếu biến đổi khí hậu hoặc khí nhà kính là một nội dung trọng tâm trong chiến lược, báo cáo cần trình bày rõ ràng và thuyết phục chiến lược/sáng kiến, giải pháp cũng như các dự án đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.</p>
	<p>1.10. Có chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính.</p>	<p>Các mục tiêu cụ thể (ngắn/dài hạn) cần được thực hiện một cách logic và có cơ sở khoa học. Các chiến lược phải dựa trên các phân tích kịch bản/tình huống khác nhau về kịch bản khí hậu, đồng thời mô tả cách thức đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A4. Các chỉ số hoạt động về môi trường	1.11. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng trong công ty đồng thời đưa ra các mục tiêu và biện pháp quản lý cũng như cắt giảm mức tiêu thụ ngắn hạn và dài hạn.	<p>Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. • Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng • Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. • Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. • Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) • Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có) <p>Việc công bố được thực hiện theo hướng dẫn của quy định pháp luật và các thông lệ tốt (như GRI, IPCC, GHG Reporting Protocol). Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố các nguồn phát thải • Công bố nguồn của hệ số phát thải mà doanh nghiệp áp dụng • Công bố cách thức tính toán • Công bố kỳ gốc (nếu có) • Công bố các số liệu mang tính chất so sánh • Giải thích số liệu phát thải • Công bố cường độ phát thải KNK <p>Việc công bố phát thải phạm vi 3 hiện nay chưa bắt buộc nhưng là thông lệ tốt. Theo GHG protocol, các doanh nghiệp cần phải công bố các nội dung sau liên quan đến phát thải KNK phạm vi 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ranh giới báo cáo • Phạm vi báo cáo. Nếu không đủ 15 danh mục phát thải thì cần giải trình đầy đủ • Cách thức tính • Phân tích số liệu
	1.12. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng bên ngoài công ty, bao gồm chuỗi cung ứng và các hoạt động bên ngoài có liên quan trực tiếp đến dịch vụ, sản phẩm và các hoạt động của công ty đồng thời đưa ra các biện pháp quản lý cũng như cắt giảm tiêu thụ.	
	1.13. Công ty có công bố mức các số liệu liên quan đến nước và nước thải. Tối thiểu phải công bố mức tiêu thụ nước và các biện pháp quản lý nước thải, đồng thời đưa ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho các chỉ số liên quan đến nước và nước thải mà doanh nghiệp chọn báo cáo.	
	1.14. Công ty có công bố lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho sản phẩm và/hoặc hoạt động phân phối sản phẩm và/hoặc các dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp; nêu cụ thể tỷ lệ các loại nguyên vật liệu tái chế và nguyên vật có thể tái tạo so với tổng nguyên vật liệu đã sử dụng và đưa ra các biện pháp cắt giảm tiêu hao ngắn hạn và dài hạn.	
	1.15. Công ty có công bố lượng rác thải từ hoạt động của doanh nghiệp và các biện pháp quản lý rác thải cũng như các tác động từ rác thải đến môi trường.	
	1.16. Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và 2 theo tấn CO ₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc.	
	1.17. Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính phạm vi 3 theo đúng các thông lệ	

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A5. Các chỉ số hoạt động về xã hội	1.18. Công ty công bố các số liệu về tuyển dụng nhân viên mới và nhân viên thôi việc, đồng thời có các phân tích về chế độ chính sách dành cho nhân viên làm toàn thời gian.	<p>Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. • Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng • Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. • Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. • Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) • Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có)
	1.19. Công ty công bố các chỉ số liên quan đến an toàn lao động, tối thiểu phải báo cáo các thông tin về hệ thống an toàn lao động, các biện pháp đánh giá và phòng ngừa rủi ro cũng như các chương trình đào tạo liên quan đến an toàn lao động.	
	1.20. Công ty công bố thông tin về chính sách và thực hành văn hoá Đa Dạng, Công Bằng Và Hòa Nhập (DEI) trong doanh nghiệp, cụ thể thông qua các chỉ số về bình đẳng giới, đa dạng hoá và cơ hội công bằng, không phân biệt đối xử và các chỉ số khác có liên quan.	
	1.21. Công ty công bố thông tin về các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng như các động tích cực và tiêu cực của công ty đến cộng đồng.	
	1.22. Công ty có báo cáo về việc đánh giá tác động của sản phẩm và dịch vụ đến sức khoẻ và an toàn của khách hàng, đồng thời công bố các sự cố xảy ra trong lĩnh vực này.	
A6. Các chỉ số hoạt động khác	1.23. Công ty công bố các chỉ số hoạt động về ESG tương ứng với các lĩnh vực trọng yếu được lựa chọn cũng như phù hợp với chiến lược PTBV được công bố	<p>Công ty cần đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về báo cáo và chuẩn mực như GRI 2021, IFRS S1/ S2, SASB, CSRD, ..và các chỉ số hoạt động theo ngành được áp dụng rộng rãi. Việc đáp ứng nhiều hơn một chuẩn mực cũng như việc áp dụng các chuẩn mực theo ngành sẽ là bằng chứng tốt để chứng minh tính đầy đủ của một báo cáo.</p> <p>Công ty cần tuân thủ các quy định về đánh giá về môi trường và xã hội và các quy định về quản trị công ty, cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn đo lường phát thải khí nhà kính.</p>
	1.24. Công bố thông tin về quản trị công ty đáp ứng được các yêu cầu	
	1.25. Việc trình bày các chỉ số hoạt động có liên quan được thực hiện theo các hướng dẫn/chuẩn mực được công nhận rộng rãi về lập báo cáo PTBV như GRI, IFRS S1&S2, TCFD...	
	1.26. Công ty có sử dụng các chỉ số hoạt động theo ngành được chấp nhận rộng rãi	
	1.27. Mức độ đáp ứng về công bố thông tin thông tin môi trường xã hội theo quy định của Báo cáo thường niên	
A7. Các nội dung khác	1.28. Bối cảnh của doanh nghiệp (ví dụ, các sản phẩm và/hoặc dịch vụ, hiệu quả hoạt động tài chính, vị trí địa lý, thông tin tuyển dụng, lực lượng lao động).	<p>Báo cáo cần cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về tổ chức. Báo cáo cần nêu rõ các hoạt động chính, sản phẩm/ dịch vụ, hiệu quả tài chính, vị trí địa lý, lực lượng lao động và thông tin tuyển dụng, nhằm giúp người đọc hiểu rõ về phạm vi hoạt động và tác động của tổ chức. Đồng thời, báo cáo cần xác định rõ đối tượng sử dụng, phạm vi báo cáo (bao gồm cả chuỗi cung ứng), kỳ báo cáo, tính so sánh qua các kỳ, và công bố đầy đủ các tiêu chuẩn được sử dụng.</p> <p>Việc công bố đúng các chuẩn mực được áp dụng (theo yêu cầu của chuẩn mực đó) sẽ là một điểm cộng.</p>
	1.29. Các yếu tố khác của một báo cáo đã được công bố đầy đủ hay chưa?	

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B. Mức độ tin cậy (40%)		
<p>Để đảm bảo tính tin cậy của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chứng minh rằng họ có các cấu trúc, quy trình và kiểm soát hiệu quả để trình bày thông tin chính xác về tác động của mình. Điều này bao gồm việc thiết lập các chính sách rõ ràng, bố trí nhân sự phù hợp, xây dựng hệ thống thu thập và quản lý thông tin, và đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể. Báo cáo cần thể hiện rằng các hệ thống và thông tin nội bộ đã được kiểm tra kỹ lưỡng, đồng thời tích hợp ý kiến đóng góp từ các bên bên ngoài.</p>		
B1. Quy trình quản lý	<p>2.01. Các hệ thống quản lý và việc tích hợp các hệ thống quản lý vào quy trình hoạt động .</p>	<p>Để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc xây dựng và tích hợp hệ thống quản lý vào quy trình kinh doanh. Hệ thống quản lý này cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.</p>
	<p>2.02. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tín dụng xanh được quốc tế hoặc chính phủ công nhận.</p>	<p>Đồng thời, việc áp dụng các hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế như hướng dẫn của IFC, GRI, Investors in People, ISO/EMAS là rất quan trọng. Báo cáo cần nêu rõ lý do lựa chọn và áp dụng các tiêu chuẩn này, đồng thời mô tả chi tiết cách thức triển khai. Ngoài ra, công ty cũng nên công bố các việc xử lý các rủi ro về việc tẩy xanh - Green Washing.</p>
	<p>2.03. Nguồn phát thải KNK trực tiếp hoặc gián tiếp, chuỗi giá trị/cung ứng liên quan được xác định và có kế hoạch hành động, áp dụng các biện pháp tối ưu nhằm giảm dần phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp như (i) xem xét về số lượng và chủng loại nhiên liệu hóa thạch sử dụng và áp dụng các chương trình nâng cao hiệu quả và hiệu lực (ưu tiên phương pháp tiếp cận chu kỳ sống nhằm giảm phát thải KNK thuần bên cạnh việc sử dụng công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo), (ii) có hành động ngăn ngừa hoặc giảm phát thải KNK (đặc biệt những phát thải gây cạn kiệt tầng ozôn) do việc sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất, các quá trình công nghệ hoặc thiết bị bao gồm thiết bị sưởi, thông gió, điều hòa không khí, (iii) thực hiện tiết kiệm năng lượng bao gồm mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiệu quả năng lượng; (iv) xem xét trung hòa carbon thông qua các biện pháp bù phát thải KNK còn lại như thu giữ và bảo quản hoặc cô lập carbon.</p>	<p>Xem hướng dẫn chung về việc báo cáo thông tin liên quan đến khí nhà kính.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B2. Quản trị	2.04. Mô tả về hoạt động và cấu trúc hệ thống và quy trình quản trị, bao gồm tên của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đảm trách các vấn đề phát triển bền vững, các bộ phận liên quan đến quản trị phát triển bền vững như Ban quản lý rủi ro, KTNB..., và mô tả về vai trò của HĐQT trong phê duyệt chiến lược, chính sách xã hội, môi trường, quản trị cũng như rà soát kết quả thực hiện và đảm bảo cơ chế truyền thông hiệu quả giữa doanh nghiệp với các bên liên quan).	<p>Để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần trình bày rõ ràng hệ thống quản trị liên quan đến các vấn đề PTBV. Điều này bao gồm việc nêu tên thành viên hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp, thể hiện cam kết từ cấp cao nhất.</p> <p>Báo cáo cần mô tả chi tiết cách thức khuyến khích nhân viên và quản lý, làm rõ mối liên kết giữa hiệu quả bền vững và các mục tiêu đã đề ra. Điều này giúp tạo động lực và thúc đẩy sự tham gia của toàn bộ tổ chức. Các quy trình xác định và quản lý rủi ro cần được mô tả một cách hệ thống, đồng thời công bố các rủi ro thực tế đã được xác định. Báo cáo cũng cần thảo luận về các cơ hội phát sinh từ việc quản lý rủi ro này, thể hiện sự chủ động và khả năng thích ứng của doanh nghiệp.</p> <p>Vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật cũng cần được đánh giá, xem xét, và có hướng giải quyết cụ thể, rõ ràng cho việc không tuân thủ, nếu có.</p>
	2.05. Mô tả mối liên hệ giữa cơ chế khen thưởng của nhân viên và cán bộ quản lý với hiệu quả phát triển bền vững và việc hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.	
	2.06. Mô tả quy trình quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV (bao gồm: nhận diện, đánh giá, xếp hạng, kiểm soát rủi ro và tận dụng cơ hội)	
	2.07. Mô tả cụ thể các rủi ro cao và cơ hội liên quan đến PTBV	
	2.08. Hồ sơ về các vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật	
	2.09. Mô tả cách thức mà doanh nghiệp quản trị các vấn đề liên quan đến Chương trình giảm thiểu KNK để đảm bảo các thông tin được báo cáo là đáng tin cậy và doanh nghiệp luôn chủ động giám sát/quản lý các vấn đề liên quan đến KNK cũng như thể hiện được Chương trình giảm thiểu KNK là nỗ lực của toàn thể doanh nghiệp.	<p>Xem hướng dẫn chung về việc báo cáo thông tin liên quan đến khí nhà kính.</p>
B3. Đảm bảo	2.10. Đảm bảo nội bộ	<p>Để đảm bảo tính tin cậy và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần kết hợp cơ chế đảm bảo nội bộ và kiểm toán độc lập. Cơ chế đảm bảo nội bộ giúp xác minh tính chính xác của thông tin từ bên trong, trong khi kiểm toán độc lập bởi đơn vị thứ ba tăng cường tính khách quan và độ tin cậy. Việc thực hiện cả hai biện pháp này giúp báo cáo phản ánh trung thực hoạt động và cam kết của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.</p>
	2.11. Đảm bảo độc lập bên ngoài	
	2.12. Có đảm bảo độc lập đối với các chỉ số quản lý phát thải khí nhà kính.	<p>Xem hướng dẫn chung về việc báo cáo thông tin liên quan đến khí nhà kính.</p>

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
C. Trình bày (10%)		
<p>Để tối đa hóa giá trị của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng không chỉ vào nội dung mà còn vào cách thức truyền tải thông tin đến đúng đối tượng. Truyền thông hiệu quả đòi hỏi việc lựa chọn phương tiện phù hợp để tiếp cận các bên liên quan mục tiêu. Điều này bao gồm hai yếu tố chính: Trình bày, đảm bảo báo cáo có hình thức hấp dẫn, dễ đọc và dễ hiểu; Sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo báo cáo được phân phối và tiếp cận một cách thuận tiện cho người dùng mục tiêu.</p>		
Hình thức	3.01. Đề cương và hình thức phù hợp và hỗ trợ cho nội dung.	<p>Hình thức báo cáo cần phù hợp và hỗ trợ nội dung, đồng thời đảm bảo tính tương tác và chuyên nghiệp. Ngôn ngữ sử dụng cần phổ thông, dễ hiểu, và phù hợp với trình độ của người đọc. Việc sử dụng các phương pháp trình bày sáng tạo và các công cụ trực quan như đồ thị, minh họa và sơ đồ sẽ giúp báo cáo trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Bằng cách kết hợp các yếu tố này, doanh nghiệp sẽ tạo ra một báo cáo phát triển bền vững không chỉ cung cấp thông tin chất lượng mà còn truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến các bên liên quan.</p>
	3.02. Tính dễ hiểu (sử dụng ngôn ngữ phổ thông, mức độ chuyên ngành phù hợp), dễ hiểu và độ dài phù hợp (súc tích).	
	3.03. Cách trình bày và tiếp cận mang tính sáng tạo	
	3.04. Tính phù hợp của các đồ thị, nội dung minh họa và ảnh	
Sự tham gia của các bên liên quan	3.05. Khả năng truy cập (ví dụ, định dạng điện tử trên website để truy cập, các ngôn ngữ hiển thị sẵn có, phù hợp với độ giả, phiên bản in (tóm tắt) được cung cấp).	<p>Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc thông báo rộng rãi về sự tồn tại của báo cáo và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập báo cáo. Việc thông báo thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau sẽ giúp đảm bảo rằng thông tin được tiếp cận bởi đối tượng mục tiêu. Đồng thời, việc tham vấn các bên liên quan thông qua các hoạt động như thành lập Nhóm Tập Trung sẽ giúp thu thập ý kiến đóng góp và đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan</p>
	3.06. Cơ chế thông tin và phản hồi để người sử dụng báo cáo đưa ra/gửi ý kiến đến người lập báo cáo.	

Hướng dẫn về việc báo cáo thông tin liên quan đến Khí nhà kính

Chiến lược và mục tiêu giảm phát thải KNK	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có chiến lược dài hạn và ngắn hạn cụ thể nào để giảm phát thải KNK không? Các sáng kiến, giải pháp hoặc dự án cải tiến nào đang được triển khai để hỗ trợ mục tiêu này? Chiến lược giảm phát thải KNK có được tích hợp vào kế hoạch kinh doanh tổng thể và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp không?
--	--

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
Các chỉ số hoạt động và quy trình quản lý	<p>Nhận diện, đo lường và kiểm soát nguồn phát thải KNK</p> <p>1. Nhận diện nguồn phát thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp đã xác định đầy đủ các nguồn phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát chưa? Các nguồn phát thải này bao gồm những yếu tố nào trong chuỗi giá trị (ví dụ: nhiên liệu hóa thạch, sử dụng đất, quy trình công nghệ, năng lượng, chuỗi cung ứng, v.v.)? Doanh nghiệp có kế hoạch hành động cụ thể nào để giảm dần phát thải từ những nguồn này không? <p>2. Đo lường phát thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có sử dụng các chỉ số đo lường phát thải KNK không? Nếu có, các chỉ số đó gồm những gì? Phát thải KNK có được đo lường theo tấn CO₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc không? Các phương pháp đo lường có tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như GHG Protocol, ISO 14064 hoặc các tiêu chuẩn liên quan không? <p>3. Biện pháp giảm thiểu phát thải</p> <p>Doanh nghiệp đã thực hiện những biện pháp nào để giảm phát thải KNK trong các lĩnh vực sau:</p> <p>(i) Nhiên liệu hóa thạch: Có kế hoạch kiểm soát số lượng và chủng loại nhiên liệu sử dụng hoặc chuyển đổi sang công nghệ phát thải thấp không?</p> <p>(ii) Công nghệ và quy trình sản xuất: Có biện pháp nào để giảm phát thải từ sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, hoặc các thiết bị công nghiệp như sưởi, thông gió, điều hòa không khí không?</p> <p>(iii) Hiệu suất năng lượng: Có chương trình tiết kiệm năng lượng, mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng, hoặc phát triển sản phẩm/dịch vụ hiệu quả năng lượng không?</p> <p>(iv) Trung hòa carbon: Có áp dụng các biện pháp bù trừ phát thải thông qua thu giữ, bảo quản hoặc cô lập carbon không?</p>	
Quản trị	<p>Hệ thống quản lý và giám sát phát thải KNK</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có hệ thống quản trị nào để theo dõi và đảm bảo tính chính xác của dữ liệu phát thải KNK không? Các dữ liệu và thông tin về phát thải KNK có được báo cáo thường xuyên và minh bạch không? Việc giám sát và kiểm soát phát thải KNK có được tích hợp vào hệ thống quản lý vận hành tổng thể của doanh nghiệp không? Các bộ phận trong doanh nghiệp có phối hợp chặt chẽ để thực hiện chương trình giảm phát thải KNK không? 	
Đảm bảo	<p>Đảm bảo tính minh bạch và xác minh độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp có cơ chế đánh giá nội bộ hoặc xác minh độc lập từ bên thứ ba đối với dữ liệu phát thải KNK không? Việc kiểm toán và xác nhận dữ liệu phát thải có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp lý không? Kết quả đo lường phát thải có được công khai minh bạch và sẵn sàng để đối chiếu khi cần thiết không? 	